TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày 02/6/2023
V/v: "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Thắng

2. Ông Trần Hải Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2023/TLST-DS ngày 03/01/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-DS ngày 04/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-DS ngày 23/5/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Trần Văn A, sinh năm 1968

Địa chỉ: thôn CT, xã LĐ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Bà Lèo Thị C, sinh năm 1967

Địa chỉ: thôn T1, xã LĐ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Giáp Thị T, sinh năm 1976

Địa chỉ: thôn CT, xã LĐ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Trần Văn A đại diện theo ủy quyền.

- Chị Trần Thị A, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường K, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Trần Thị T3, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ngách 30, hẻm 10, số nhà 14 đường P, phường Z, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Ông A có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Trần Văn A trình bày: Gia đình ông kinh doanh thức ăn chăn nuôi từ năm 2010. Bà C là người mua cám của ông để nuôi gà. Hai bên thỏa thuận chăn nuôi hết lứa (04 tháng) là phải thanh toán nợ. Tính đến ngày 18/7/2012 bà C đã nợ gia đình ông số tiền 32.450.000đồng. Mặc dù nhiều lần ông yêu cầu bà C thanh toán nợ nhưng bà C chỉ thanh toán được một phần nợ. Đến nay bà C còn nợ là 19.290.000đồng. Khi mua bán cám, bà C còn cả hai vợ chồng, nay chồng bà C đã chết nên ông yêu cầu bà C và chị T3, chị A phải liên đới trả cho vợ chồng ông số tiền gốc còn nợ (sau khi trừ đi số tiền đã trả) là 19.290.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày chốt nợ 18/7/2012 đến khi xét xử vụ án.

- Tại Biên bản ghi lời khai, bị đơn là bà Lèo Thị C trình bày:

Năm 2013 – 2014, bà mua cám của ông Trần Văn A. Khi mua có lúc trả tiền ngay, có lúc nợ. Nay còn nợ ông A 19.290.000đồng. Khi chốt nợ chỉ hẹn là trả dần chứ không nói rõ ngày nào, không thỏa thuận trả lãi. Thực tế bà chỉ còn nợ 12.000.000đồng nhưng ông A tính lãi thành 19.290.000đồng. Bà là người viết giấy nhận nợ ngày 08/7/2022 số tiền 19.290.000đồng. Do chồng bà bị bệnh phải chạy chữa nên không có tiền trả ông A. Đến nay chồng bà đã chết thì bà và hai người con là chị A và chị T3 cùng có trách nhiệm trả ông A. Bà chỉ chấp nhận trả 19.290.000đồng mà không đồng ý trả tiền lãi như ông A yêu cầu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị T3 và chị Trần Thị A đều trình bày:

Các chị là con gái của ông Trần Đình P và bà Lèo Thị C. Năm 2013 bố mẹ chị nợ ông A tiền mua cám đầu tư chăn nuôi. Do chăn nuôi gặp dịch bệnh nhiều nên không thu được vốn để trả nợ. Năm 2019, bố của chị bị bệnh hiểm nghèo đã chết nên chưa trả được nợ cho ông A là 19.290.000đồng. Hiện nay bà C sinh sống một mình không có thu nhập nên chị đề nghị ông A cho trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng. Chị không đồng ý trả tiền lãi.

- Bà Giáp Thị T ủy quyền cho ông A tham gia tố tụng, bà không có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án.

- Tại phiên tòa, ông A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A. Buộc bà C, chị A và chị T3 phải trả cho ông A bà T số tiền 19.290.000đồng và 20.870.000 đồng tiền lãi. Buộc bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông A khởi kiện bà C yêu cầu trả tiền bán cám còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Bà C có địa chỉ tại thôn T1, xã LĐ, huyện Yên Thế, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bà T đã ủy quyền cho ông A tham gia tố tụng. Bà C, chị T3, chị A vắng mặt đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông A: Theo sự thừa nhận của các bên đương sự, phù hợp với nội dung giấy ghi nợ các ngày 18/7/2012 và 08/7/2022. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vợ chồng bà C ông P mua cám chăn nuôi của ông A. Khi chăn nuôi hết lứa xuất chuồng (04 tháng) thì phải trả nợ nhưng ông P bà C không trả được nợ. Hai bên chốt nợ và lập giấy ghi nợ ngày 18/7/2012, theo đó vợ chồng bà C còn nợ ông A số tiền 32.450.000đồng, bà C là người đã ký nhận số nợ này. Sau đó bà C đã trả được một phần nợ và nay còn nợ là 19.290.000đồng theo giấy ghi nợ bà C đã ký nhận ngày 08/7/2022. Từ đó đến nay bà C vẫn chưa trả cho ông A. Tại các Điều 430, khoản 3 Điều 434 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng mua bán tài sản đã ghi: "Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản". Nay đã quá hạn nhiều năm mà bà C chưa trả cho ông A số tiền 19.290.000.000đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ông A khởi kiện yêu cầu bà C, chị T3, chị A phải trả số tiền trên là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc bà C, chị T3 và chị A phải trả cho ông A số tiền 19.290.000.000đồng.

[3] Về tiền lãi: Ông A yêu cầu bà C phải trả lãi trên số tiền 19.290.000đồng từ khi chốt nợ 18/7/2012 đến khi xét xử theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Bà C, chị T3 và chị A không đồng ý trả tiền lãi. Bà C không đồng ý trả lãi vì cho rằng trong số tiền 19.290.000đồng thực tế chỉ có 12.000.000đồng tiền gốc còn lại là tiền lãi, bà đồng ý trả số tiền 19.290.000đồng nên không đồng ý tính lãi nữa nhưng bà không có chứng cứ chứng minh cho ý kiến của bà. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền 19.290.000đồng là tiền bà C mua cám chưa thanh toán cho ông A. Tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định: "Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này". Điều 357 Bộ luật dân sự quy đinh: "1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này". Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này quy định: "Trường hợp các bên ...thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (20%/năm) quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ". Căn cứ các quy định này thì ông A yêu cầu tính lãi như nêu trên là có căn cứ và được chấp nhận. Số lãi bà C, chị T3 và chị A phải trả từ ngày 18/7/2012 đến ngày 02/6/2023 (ngày xét xử) là: 19.290.000đồng x 0,83%/tháng = 160.000đồng/tháng x 130 tháng + 5.000đồng/ngày x 14 ngày = 20.870.000đồng.

Tổng cả gốc và lãi phải trả là 19.290.000 đồng + 20.870.000đồng = 40.160.000 đồng.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Số tiền bà C còn nợ là tài sản chung của ông A và vợ là bà T. Ông A yêu cầu bà C và chị T3, chị A phải cùng trả nợ. Bà C cũng đề nghị chị T3 và chị A phải cùng trả nợ. Xét thấy: Bà C mua cám chăn nuôi để phát triển kinh tế phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên ông P là chồng bà C phải có trách nhiệm liên đới nhưng nay ông P đã chết, tài sản là nhà đất của ông bà do bà và các con cùng hưởng thừa kế nên bà C, chị Thuê và chị A phải thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử buộc các con của ông P là chị T3, chị A phải cùng với bà C trả số nợ 40.160.000đồng cho ông A và bà T là đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông A được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Án phí bà C phải chịu là 40.160.000 đồng x 5% = 2.008.000 đồng. Ông A không phải chịu án phí, Hội đồng xét xử trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông A và bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà C, chị T3 và chị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 430; khoản 3 Điều 434; khoản 2, 3 Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 615 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A đối với bà Lèo Thị C.

Buộc bà Lèo Thị C, chị Trần Thị T3 và chị Trần Thị A phải liên đới trả cho ông Trần Văn A và bà Giáp Thị T số tiền 40.160.000 đồng (bốn mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn). Trong đó có 19.290.000đồng tiền nợ và 20.870.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Bà Lèo Thị C phải chịu 2.008.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Trần Văn A số tiền 535.000đồng tạm ứng án phí tại Biên lại thu số 0009015 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

3. Về quyền kháng cáo: Ông A, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà C, chị T3 và chị A vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Đăng